

Số: 3721/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên  
ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị Quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về việc phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương.

**Điều 2.** Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên các cấp ngân sách của chính quyền địa phương theo phân cấp nhiệm vụ chi năm 2017 (bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành cho năm ngân sách 2017;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thái Bình, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP;
- Lưu VT, KT. *MNV*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Diên**

**ĐỊNH MỨC  
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2017  
CÁC CẤP NGÂN SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh)*

**I. Quy định chung:**

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 ngân sách các cấp chính quyền địa phương được sử dụng làm căn cứ xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2017, theo phân cấp nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định mức phân bổ ngân sách các cấp chính quyền địa phương đảm bảo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước và quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương cơ sở mức 1.210 ngàn đồng/tháng, bao gồm cả 10% tiết kiệm chi thường xuyên (ngoài lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) để giành nguồn thực hiện chế độ tiền lương theo quy định.

3. Căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và các văn bản pháp luật có liên quan quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công theo các lĩnh vực; Ủy ban nhân dân tỉnh xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước.

**II. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 cho các cấp ngân sách.**

**A. Định mức phân bổ một số lĩnh vực cụ thể:**

**1. Sự nghiệp giáo dục.**

Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được giao theo số biên chế thực tế có mặt; bảo đảm kinh phí chi hoạt động và chế độ, chính sách do nhà nước ban hành đối với các cấp ngân sách theo phân cấp nhiệm vụ chi, trong đó chi hoạt động thường xuyên của các cấp học THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non phân bổ theo tiêu chí đầu trường và đầu học sinh; trường chuyên biệt, hoạt động giáo dục đặc thù, hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi, bổ sung kinh phí thực hiện theo quyết định cấp có thẩm quyền.

2. Sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: Căn cứ mức phân bổ của Chính phủ và khả năng cân đối bảo đảm nhiệm vụ chi loại hình đào tạo, đào tạo lại, dạy nghề, các cấp đào tạo, dạy nghề, trung tâm chính trị tỉnh, huyện,... của địa phương.

**3. Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:**

Bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương của cán bộ, công chức, viên chức sự nghiệp y tế các cấp, cán bộ trạm y tế xã, phụ cấp đặc thù,

phụ cấp y tế thôn, kinh phí tăng cường công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, kinh phí phòng chống dịch bệnh... (Không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp đặc thù, các khoản có tính chất lương của các Bệnh viện đã được kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền);

Kinh phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, BHYT cho người nghèo, hỗ trợ từ NSDP cho người thuộc hộ cận nghèo, đối tượng HIV, BHYT học sinh, sinh viên, BHYT cho các đối tượng BTXH, TNXP, cựu chiến binh, người tham gia kháng chiến xác định theo số đối tượng được cấp có thẩm quyền phê định, mức chi theo chế độ hiện hành.

4. Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Bảo đảm các nhiệm vụ theo phân cấp (có kinh phí chi cho các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục lao động Xã hội, các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác).

Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ xã nghi việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, chế độ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, chế độ mai táng phí đối tượng CCB, B, C, K, chế độ đối với TNXP theo quy định.

Bổ sung kinh phí thăm hỏi, tặng quà gia đình và đối tượng chính sách người có công vào ngày Tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ, mức quà 400.000 đồng/01 đối tượng/năm.

#### 5. Chi quản lý hành chính:

Bao gồm chi cho con người, kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao (có mua sắm sửa chữa thường xuyên), bảo đảm kinh phí hoạt động Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW, Quy định 3115-QĐ/VPTW, chế độ phụ cấp cấp ủy, xem xét bổ sung thêm hoạt động đặc thù; ngân sách cấp tỉnh, huyện bảo đảm mức tối thiểu cho kinh phí hoạt động, ngoài lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương không thấp hơn năm 2016; ngân sách cấp xã bảo đảm chế độ cho cán bộ, công chức xã, cán bộ không chuyên trách xã, mức dự toán bảo đảm cho hoạt động hệ-thống chính trị .

Mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính là căn cứ để thực hiện quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Các tổ chức xã hội khác (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không giao biên chế): Mức hỗ trợ từ NSNN do ngân sách các cấp địa phương bố trí dự toán cụ thể hàng năm để có nguồn hỗ trợ theo khả năng cân đối.

6. Mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp: bao gồm chi con người, kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao, có cả mua sắm sửa chữa thường xuyên, có xem xét bổ sung thêm hoạt động đặc thù; áp dụng định mức phân bổ của các đơn vị quản lý hành chính nhà nước tương đương, trên cơ sở tính toán mức kinh phí thu sự nghiệp được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo quy định của Chính phủ.

7. An ninh, quốc phòng: Bao gồm kinh phí chi trả phụ cấp, trợ cấp ngày công huấn luyện và chế độ, chính sách khác đối với lực lượng dân quân tự vệ, phụ cấp công an viên, bảo vệ dân phố theo quy định Luật dân quân tự vệ, Pháp lệnh công an xã và hỗ trợ hoạt động an ninh, quốc phòng, biên phòng tại địa phương.

Trang phục DQTV, trang phục công an xã và công cụ hỗ trợ CAV, tổ bảo vệ dân phố, quà tân binh nhập ngũ, diễn tập quốc phòng, hỗ trợ quỹ Phòng chống tội phạm...thực hiện theo quyết định cụ thể của UBND tỉnh.

8. Chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp khoa học - công nghệ, sự nghiệp Tài nguyên môi trường và chi khác ngân sách: Căn cứ tổng mức Chính phủ quyết định trong cân đối ngân sách của địa phương.

*Riêng Ngân sách Thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kiến thiết đô thị theo nhiệm vụ đã phân cấp và quyết định của cấp có thẩm quyền.*

**B. Mức xây dựng dự toán cho một số lĩnh vực chủ yếu thuộc ngân sách cấp tỉnh :**

**1. Chi quản lý hành chính :**

1.1 Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành.

1.2 Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP):

- Trên 50 biên chế: 20 triệu/01 biên chế;
- Từ 36- 50 biên chế: 21 triệu/01 biên chế;
- Từ 16- 35 biên chế: 23 triệu/01 biên chế;
- <= 15 biên chế: 25 triệu/01 biên chế;
- Cơ quan Đảng 45 triệu/01 biên chế;
- Đoàn thể chính trị: 25 triệu/01 biên chế;
- Các hội đặc thù : 25 triệu/01 định xuất.

Đối với sở, ngành không có nguồn thu, không có kinh phí sự nghiệp thì chi hoạt động thường xuyên được điều chỉnh theo hệ số  $K = 1,15$  lần định mức theo đầu biên chế.

**1.2.1 Phạm vi bao quát của định mức:**

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên bao gồm :

- Các khoản chi hoạt động mang tính chất thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, sơ kết, văn phòng phẩm, điện. nước, xăng dầu,...;

- Chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn của ngành, chi công tác quản lý ngành, lĩnh vực, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng hoàn thiện, rà soát văn bản QPPL; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO ...;

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên, mua sắm thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên không bao gồm : Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương. Các khoản đặc thù của từng ngành: Chi tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ; chi hoạt động các Ban chỉ đạo; Ban điều phối; Ban quản lý; Tổ công tác liên ngành; các Hội đồng được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo; chi mua ô tô; chi thuê trụ sở; sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm trang thiết bị phương tiện làm việc mới cho cơ quan mới thành lập, trụ sở mới, đồng bộ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí vận hành công thông tin điện tử tỉnh.

Kinh phí điều tra đặc thù của các ngành; kinh phí giám sát và đánh giá đầu tư; trang phục ngành; kinh phí trích theo số thu nộp NSNN (thanh tra); hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức; kinh phí khen thưởng theo quyết định của UBND tỉnh; Các nhiệm vụ phát sinh không thường xuyên khác.

*Các khoản chi đặc thù, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở thuyết minh cơ sở tính toán và căn cứ pháp lý của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối ngân sách để bổ sung kinh phí chi hoạt động cho từng nhiệm vụ cụ thể.*

### 1.2.3 Về phạm vi áp dụng :

Định mức phân bổ chung cho các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp 1; các đơn vị dự toán cấp 1 phân bổ và giao cho các đơn vị hành chính trực thuộc;

- Đối với chi hoạt động của cơ quan Đảng; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được tính trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và đặc thù của từng cơ quan.

- Các hội đặc thù, tổ chức xã hội nghề nghiệp được NSNN hỗ trợ theo quy định hiện hành.

## 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp.

### a) Sự nghiệp giáo dục:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được tính theo số giáo viên biên chế thực tế có mặt.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Cấp Trung học phổ thông: Định mức phân bổ theo đầu trường là 160 triệu đồng/01 trường/năm, 0,73 triệu đồng/01 học sinh/năm.

+ Trường THPT chuyên: Định mức phân bổ theo đầu trường và đầu học sinh gấp 3,5 lần trường THPT nêu trên, bổ sung hoạt động đặc thù theo quyết định cấp có thẩm quyền.

+ Trường Mầm non hoa hồng: Định mức phân bổ theo đầu trường là 100 triệu đồng/01 trường/năm, 0,5 triệu đồng/01 học sinh/năm.

### b) Sự nghiệp đào tạo:

(b1) Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được đảm bảo từ nguồn NSNN hỗ trợ và phần tiền lương đã được kết cấu tương ứng với 40% số thu học phí theo Nghị định 86/NĐ-CP.

(b2) Định mức chi hỗ trợ từ NSNN theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao, có thu học phí đối với các ngành học khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông lâm, thủy sản: Trình độ Đại học 1,2 triệu/HS/năm; Cao đẳng 1,0 triệu/HS/năm, Trung cấp 0,86 triệu/HS/năm;

Đối với ngành học khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch được điều chỉnh theo hệ số K (=) 1,16;

Đối với ngành học y dược được điều chỉnh theo hệ số K (=) 1,44;

(b3) Định mức chi hỗ trợ từ NSNN theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao, không thu học phí cho các cơ sở đào tạo theo chế độ quy định: Trình độ Cao đẳng 2,9 triệu/HS/năm; Trung cấp 2,5 triệu/HS/năm;

(b4) Định mức chi đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên bằng 75% định mức chi hỗ trợ từ NSNN tương ứng với các ngành học ở trên.

(b5) Định mức chi đào tạo trình độ sơ cấp từ (03) tháng trở lên bằng 60% định mức chi hỗ trợ từ NSNN tương ứng với các ngành học ở trên.

*Việc miễn, giảm học phí cho các đối tượng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.*

*Ngoài định mức NSNN phân bổ, bổ sung thêm kinh phí thực hiện chính sách đặc thù cho các đối tượng theo chế độ nhà nước quy định hiện hành.*

c) Đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên:

Nhà nước chỉ cấp kinh phí khi có nhu cầu đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với các dịch vụ sự nghiệp công, thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN được cấp có thẩm quyền ban hành, theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định.

d) Các Bệnh viện:

d1. Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Kết cấu toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương vào giá dịch vụ KCB theo quy định; kinh phí hoạt động của đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp.

d2. Các bệnh viện chuyên khoa:

+ Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện điều dưỡng – PHCN, Bệnh viện Y học cổ truyền: Kết cấu 50% tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương vào giá dịch vụ KCB theo quy định; kinh phí hoạt động của đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp.

+ Các bệnh viện chuyên khoa còn lại: Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện lao và bệnh phổi, Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương do NSNN đảm bảo; hoạt động đặc thù xem xét riêng theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

d3. Bệnh viện Đa khoa huyện, thành phố:

+ Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân, BVĐK Phụ Dục, BVĐK Thái Ninh, BVĐK Nam Tiền Hải: Kết cấu 30% tiền lương và các khoản có tính chất lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định; kinh phí hoạt động của đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp.

+ Các bệnh viện còn lại: Kết cấu 50% tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định; kinh phí hoạt động của đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp.

d4. Khối dự phòng: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương do NSNN đảm bảo; hoạt động thường xuyên NSNN bố trí theo định mức/biên chế QLNN tương đương; hoạt động đặc thù xem xét riêng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

e) Các đơn vị sự nghiệp công lập khác :

Thực hiện theo quy định hiện hành, NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên ổn định, trong chu kỳ sẽ điều chỉnh khi nhà nước thay đổi cơ chế chính sách, thay đổi nhiệm vụ theo quy định.

Các đơn vị được vận dụng mức mức chi quản lý hành chính (nêu trên).

- Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính đủ theo quy định hiện hành;

- Các đơn vị có số thu sự nghiệp bảo đảm dưới 50% chi phí: Áp dụng định mức 90% quản lý hành chính.

- Các đơn vị có số thu sự nghiệp bảo đảm trên 50% chi phí: Áp dụng định mức 80% quản lý hành chính.

f) Sự nghiệp môi trường: Thực hiện nhiệm vụ chi theo phân cấp của tỉnh, hỗ trợ mục tiêu môi trường theo quyết định của UBND tỉnh hàng năm: Hỗ trợ các dự án, các lò đốt rác theo cơ chế của tỉnh, hỗ trợ xử lý môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp, xử lý điểm nóng khẩn cấp về môi trường theo quyết định của tỉnh.....;

\* Các nhiệm vụ hoạt động đặc thù được NSNN hỗ trợ trên cơ sở thuyết minh tính toán và căn cứ pháp lý của cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ cụ thể.

**C/ Định mức phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện, thành phố.**

1/ Sự nghiệp giáo dục:

a. Sự nghiệp giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được tính theo số giáo viên biên chế thực tế có mặt; trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách, nếu có sự biến động về quỹ tiền lương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên :

+ Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục của các phòng Giáo dục & Đào tạo huyện, thành phố, mức 2% kinh phí hoạt động của trường;

+ Chi khen thưởng của ngành: Mức 0,5% kinh phí sự nghiệp giáo dục;

+ Cấp Tiểu học: Định mức phân bổ theo đầu trường 150 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,62 triệu đồng/01 học sinh/năm;

+ Cấp Trung học cơ sở: Định mức phân bổ theo đầu trường 150 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,6 triệu đồng/01 học sinh/năm;

+ Cấp học Mầm non: Định mức phân bổ theo đầu trường 60 triệu đồng/01 trường/năm; Định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,3 triệu đồng/01 học sinh/năm.

b. Định mức phân bổ chi giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật; kinh phí hoạt động bảo đảm cơ cấu tỷ lệ chi cho con người và chi hoạt động thường xuyên là 85/15.

c. Cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2/ Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; chi hoạt động bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ mức 12.000 đồng/đầu người dân trên 18 tuổi cho công tác đào tạo của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố theo Kế hoạch, đào tạo nghề, đào tạo lại cán bộ công chức và học tập Nghị quyết của Đảng các cấp.

3/ Sự nghiệp y tế, dân số KHH gia đình:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành;

- Chi hoạt động của Trung tâm y tế, Trung tâm dân số huyện, thành phố bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ mức 75 triệu/01 trạm Y tế (bao gồm kinh phí hỗ trợ điều trị Methadone, phụ cấp đặc thù theo Quyết định 73/2011/QĐ-TTg, kinh phí phòng chống dịch, tăng cường cho công tác dân số KHHGD .... và kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Trạm Y tế mức 10 triệu đồng/trạm).

4/Sự nghiệp Văn hóa thông tin, thể thao và du lịch: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành;

Chi hoạt động: Phân bổ theo biên chế giao mức bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương; phân bổ sự nghiệp Văn hóa thông tin thể thao & du lịch, mức 1.500 đồng/người dân.

Huyện, thành phố có di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia phân bổ mức 500 triệu đồng/di tích, các huyện còn lại mức 250 triệu/huyện.

5/ Sự nghiệp phát thanh truyền hình: Ngoài định mức phân bổ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành, phân bổ theo biên chế giao mức bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương; cấp huyện bố trí mức 900 đồng/người dân, Thành phố 1.000 đồng/người dân.

6/ Sự nghiệp đảm bảo xã hội:

- Các đơn vị SN công lập: Ngoài định mức phân bổ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành, phân bổ theo biên chế giao mức bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương.



- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng: Xác định theo số đối tượng và chế độ cấp có thẩm quyền quy định;

- Kinh phí thăm hỏi, tặng quà các gia đình và đối tượng chính sách người có công, mức 400.000 đồng/đối tượng/năm.

- Sự nghiệp đảm bảo xã hội khác: Hoạt động các Ban chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mại dâm, phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, phòng chống tội phạm, BCD xóa đói giảm nghèo và đảm bảo xã hội khác ... mức 300 triệu đồng/huyện; kinh phí thực hiện phương án chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện, mức 01 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

#### 7/ Chi quản lý hành chính:

*Quản lý nhà nước:* Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; hoạt động phân bổ theo biên chế giao, định mức 20 triệu đồng/biên chế; bổ sung hoạt động đặc thù quản lý nhà nước huyện, thành phố, mức 1.750 triệu đồng/huyện, thành phố (trong đó, đã bao gồm hoạt động Trung tâm hành chính công, các Ban chỉ đạo cấp huyện, kinh phí giám sát đánh giá đầu tư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, kinh phí tiếp công dân...);

*Hội đồng nhân dân:* Phụ cấp đại biểu HĐND (có cả BHYT) tính theo thực tế chi trả; hoạt động HĐND 500 triệu đồng/huyện thành phố.

*Kinh phí Đảng:* Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; hoạt động phân bổ theo biên chế giao, định mức 25 triệu đồng/biên chế; hoạt động đặc thù của cơ quan Đảng huyện, thành phố 600 triệu đồng/huyện, thành phố.

*Tổ chức chính trị xã hội (Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên):* Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; kinh phí hoạt động phân bổ theo biên chế giao, định mức 25 triệu đồng/biên chế.

Bổ sung thêm hoạt động của Đoàn Thanh niên, Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ phụ nữ, các Ban chỉ đạo khác và hỗ trợ nhiệm vụ đặc thù khác cho tổ chức xã hội, nghề nghiệp, mức 250 triệu đồng/huyện, thành phố.

*Hội đặc thù:* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành; hoạt động phân bổ theo định suất hỗ trợ được giao, mức 21 triệu đồng/định suất.

\* Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung: chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội theo nhiệm kỳ; chi mua sắm ô tô, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trang phục thanh tra, trang phục đại biểu HĐND theo chế độ quy định, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách.

#### 8/ Định mức phân bổ sự nghiệp kinh tế:

a) Sự nghiệp giao thông: Mức 50 triệu đồng/xã;

b) Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp: Mức 15 triệu đồng/xã;

c) *Vốn khuyến nông, lâm, ngư, khuyến diêm, hỗ trợ giống cây, giống con, thiết bị nông nghiệp, hỗ trợ diệt chuột, hỗ trợ tiêm phòng, mô hình chống hạn, chống úng, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, phòng chống dịch bệnh nông nghiệp, mục tiêu nông nghiệp khác*: Mức 60 triệu đồng/xã;

d) *Vốn khuyến công, khuyến thương, hỗ trợ nghề, làng nghề, hội chợ, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới*: Mức 15 triệu đồng/xã;

e) *Thủy lợi, phòng chống lụt bão*: Mức 20 triệu đồng/xã; bổ sung thêm cho hai huyện ven biển (Thái Thụy, Tiền Hải) 150 triệu đồng/huyện.

g) *Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính*: 1.000 triệu đồng/huyện.

*Đối với Thành phố phân bổ theo mức được cấp có thẩm quyền quyết định.*

h) *Sự nghiệp kinh tế khác*: Bao gồm cả khảo sát giá đất và chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp; bổ sung thêm các hoạt động quản lý thị trường, kinh tế biển, kinh tế khác.

Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định; kinh phí hoạt động phân bổ theo biên chế giao mức bằng 85% chi quản lý nhà nước tương đương.

9) *Sự nghiệp môi trường*: Mức 20 triệu đồng/xã, thị trấn.

Đối với Thành phố Thái Bình có mức tính cụ thể riêng và sự nghiệp môi trường đô thị do Thành phố thực hiện.

10) *An ninh*: Mức 500 triệu đồng/huyện; thành phố 600 triệu đồng.

11) *Quốc phòng*: Chế độ phụ cấp cho dân quân tự vệ theo quy định, chi hoạt động quốc phòng phân bổ mức 600 triệu đồng/huyện thành phố; bổ sung thêm đặc thù quà tân binh nhập ngũ, bộ đội xuất ngũ mức 03 triệu đồng/người; kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ theo khả năng cân đối của NSDP.

12) *Biên phòng*: Mức 200 triệu đồng/huyện ven biển.

13. *Chi khác ngân sách*: Bằng 0,3% tổng chi tiêu dùng thường xuyên (trong đó có quỹ thi đua khen thưởng chung).

14. *Dự phòng*: Bằng 1% tổng chi tiêu dùng thường xuyên.

**D/ Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách xã, phường, thị trấn:**

1. *Sự nghiệp giao thông*: Mức 50 triệu đồng/01 xã, phường, thị trấn;

2. *Sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm, phòng chống dịch bệnh (có chế độ phụ cấp cán bộ làm công tác khuyến ở xã); thủy lợi nội đồng; PC lụt bão thiên tai*: Hoạt động sự nghiệp 40 triệu đồng/01 xã, 20 triệu đồng/01 thị trấn, phường.

3. *Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác*: 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; bổ sung thêm sự nghiệp kiến thiết thị chính thị trấn mức 300 triệu đồng/thị trấn.

#### **4. Sự nghiệp môi trường**

+ Hoạt động thường xuyên về môi trường: 20 triệu/01 xã, phường, thị trấn.

+ Kinh phí thu gom, xử lý rác thải theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh, mức 10.000 đồng/01 người dân;

+ Bổ sung có mục tiêu: Hỗ trợ kinh phí xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt, mức 15.000 đồng/01 người dân theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh.

**5. Sự nghiệp giáo dục:** Mức 30 triệu đồng/xã, phường, thị trấn (bao gồm cả công tác khuyến học và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng...).

#### **6. Sự nghiệp y tế, dân số KHH gia đình:**

- Chế độ chi phụ cấp, BHYT cán bộ y tế thôn; kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng CCB, B, C, K, đối tượng tham gia kháng chiến, BVTQ, TNXP và đối tượng khác theo quy định của pháp luật: xác định theo số đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phân bổ mức 10 triệu đồng/xã để thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn theo phân cấp.

**7. Sự nghiệp văn hóa thông tin thể thao và du lịch:** Ngoài chế độ cho cán bộ hưu tá xã, phân bổ cho hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin thể thao và du lịch mức 20 triệu đồng/xã, thị trấn.

Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư: Mức 5 triệu đồng/khu dân cư/thôn/năm; 3 triệu đồng/tổ dân phố/năm.

**8) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh :** Định mức hoạt động chi thường xuyên 15 triệu/xã, phường, thị trấn.

#### **9. Sự nghiệp đảm bảo xã hội:**

- Lương hưu cán bộ xã già yếu, nghỉ việc, trợ cấp đối tượng Đảng viên 50 năm tuổi Đảng, xác định theo số đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chế độ mai táng phí cho các đối tượng cựu chiến binh, B, C, K; trợ cấp cho thanh niên xung phong và đối tượng khác theo quy định của nhà nước; xác định theo số đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quà và kinh phí mừng thọ cho người cao tuổi theo chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Sự nghiệp đảm bảo xã hội, mức 20 triệu/01 xã, phường, thị trấn.

#### **10. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:**

a. Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, chế độ đối với cán bộ, công chức xã, cán bộ không chuyên trách xã theo Nghị định 92/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh; xác định theo biên chế cán bộ, công chức và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khoản phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phụ cấp trách nhiệm cấp ủy theo Quyết định 3115-QĐ/TW, phụ cấp báo cáo viên tính theo thực tế chi trả.

**b. Kinh phí hoạt động:**

(b1). Quản lý nhà nước: Phân bổ theo biên chế QLNN được giao theo Nghị định 92/NĐ-CP của Chính phủ mức 13,5 triệu đồng/biên chế cán bộ, công chức QLNN cấp xã.

Trong đó: đã bao gồm chi hỗ trợ cụm dân cư, hoạt động thôn, tổ dân phố, thanh tra nhân dân, công tác tôn giáo, một cửa, tiếp dân, hoạt động các Ban chỉ đạo cấp xã và các chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành đến nay.

(b2). Hoạt động Hội đồng nhân dân: Mức 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn;

(b3). Hoạt động Đảng: Đảm bảo theo Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; mức 95 triệu đồng/xã, phường, thị trấn (có cả hoạt động chi bộ, không bao gồm đảng phí được trích lại theo quy định);

(b4). Tổ chức chính trị xã hội (Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên): Phân bổ mức 75 triệu đồng/5 đoàn thể/xã;

(b5). Hỗ trợ tổ chức xã hội nghề nghiệp (Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác): Phân bổ mức 27 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm. (HĐND, UBND cấp xã quyết định cụ thể).

11) *An ninh*: Bảo đảm chế độ cho Công an viên, tổ bảo vệ dân phố theo chế độ quy định; hoạt động an ninh mức 15 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

12) *Quốc phòng*: Bảo đảm chế độ phụ cấp và trợ cấp ngày công huấn luyện theo Luật Dân quân tự vệ; hoạt động quốc phòng mức 25 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; bổ sung thêm cho công tác biên phòng các xã ven biển mức 10 triệu đồng/xã.

13) *Chi khác ngân sách*: Định mức tính bằng 0,5% tổng chi tiêu dùng thường xuyên, trong đó có quỹ thi đua khen thưởng chung của cấp xã.

**14) Dự phòng:**

Mức tuyệt đối: 50 triệu đồng/cấp xã (loại 3), 60 triệu đồng cấp xã (loại 2), 70 triệu đồng/cấp xã (loại 1).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Diên**